

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG  
Số 266, Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2018**

# MỤC LỤC

- 01** THÔNG TIN CHUNG
- 02** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 03** TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 04** BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 05** BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 06** BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- 07** QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 08** BÁO CÁO TÀI CHÍNH







# THÔNG TIN CHUNG

## 01

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các nhân tố rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên công ty:</b>	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
<b>Tên tiếng anh:</b>	Lam Dong Investment Hydraulic Construction Joint Stock Company
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN:</b>	5800000424 (số cũ 059247) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 27/07/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 – ngày 29/06/2016.
<b>Vốn điều lệ:</b>	36.000.000.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>	36.000.000.000 đồng
<b>Mã số thuế:</b>	5800000424
<b>Địa chỉ:</b>	Số 266, Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
<b>Số điện thoại:</b>	(0263) 3821 854
<b>Số fax:</b>	(0263) 3821 854
<b>Website:</b>	<a href="http://www.lhc.com.vn">www.lhc.com.vn</a>
<b>Email:</b>	<a href="mailto:xdthuyloi@vnn.vn">xdthuyloi@vnn.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu:</b>	LHC

**Logo công ty:**





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Xây dựng Thủy lợi được thành lập, tiền thân là Đội công trình trực thuộc Công ty Thủy Lợi là Công ty hạch toán độc lập, lực lượng lao động tập trung từ lực lượng thanh niên xung phong xây dựng vùng kinh tế mới.

Năm 1976

Đổi tên thành Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi trực thuộc Liên hiệp của Xí nghiệp Thủy lợi Lâm Đồng.

Năm 1981

Đổi tên thành Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi trực thuộc Liên hiệp của Xí nghiệp Thủy lợi Lâm Đồng.

Năm 1987

Xí nghiệp Xây dựng Công trình Thủy lợi chuyển thành Công ty Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

Năm 1993

Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty Cổ phần theo Quyết định chuyển DNNN Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng thành Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng số 82/2000/QĐ-UB ngày 27/06/2000.

Năm 2000

Công ty tăng vốn điều lệ lên 4 tỷ đồng.

Năm 2003

**Năm 2007**

Công ty tăng vốn điều lệ lên 10 tỷ đồng.

**Năm 2008**

Công ty tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng.

**Năm 2010**

Công ty chính thức niêm yết 2 triệu cổ phần tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Năm 2013**

Công ty chính thức trở thành Công ty mẹ của Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng với tỷ lệ nắm giữ 55,16%.

**Năm 2015**

Công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ đồng.

**Năm 2016**

Được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp một trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất 2015 – 2016.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

---

### Ngành nghề kinh doanh

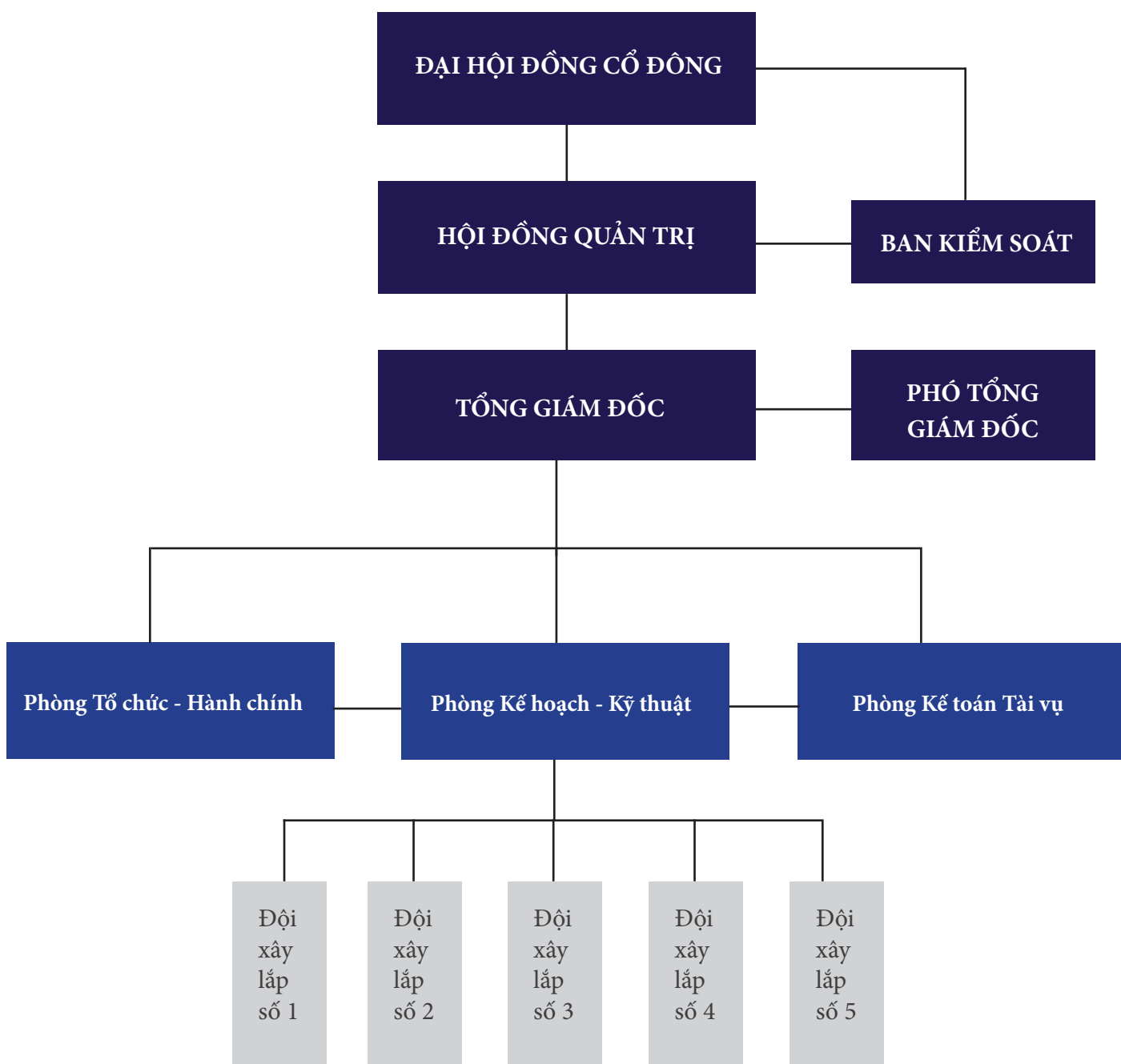
- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước.
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa và dung dịch các loại.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Hoạt động xuất nhập khẩu.
- Trồng rừng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.

### Địa bàn kinh doanh

Doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi cả nước.



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ





## CÁC DỰ ÁN ĐÃ THAM GIA

- Công trình Thủy điện Phước Hòa – Bình Dương.
- Hồ chứa nước Đạ Lây (Lâm Đồng)
- Hệ thống thủy lợi Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã (Thanh Hóa)
- Công trình Thủy điện Minh Tân (Tây Ninh)
- Xử lý chống thấm Cống Sơn Đốc (Bến Tre)
- Công trình Thủy điện An Phước (Lâm Đồng)
- Khu nuôi Tôm giống tập trung Ninh Hòa (Khánh Hòa)



## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

---

### Công ty con trực tiếp

#### Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

- Địa chỉ: 87, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018: 85.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 59,07%
- Tỷ lệ lợi ích: 59,07%

#### Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

- Địa chỉ: 251 – 251A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018: 36.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 51,00%
- Tỷ lệ lợi ích: 51,00%

### Công ty con gián tiếp

#### Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát

- Địa chỉ: 87, Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 100%
- Tỷ lệ lợi ích: 59,07%

#### Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông

- Địa chỉ: Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018: 7.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 100%
- Tỷ lệ lợi ích: 59,07%

#### Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành

- Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bố, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018: 12.600.000.000 đồng
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 80,72%
- Tỷ lệ lợi ích: 47,69%





## **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

### **Các mục tiêu chủ yếu**

#### **Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp thủy lợi, thủy điện đồng thời mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh qua các Công ty con.
- Tham gia các dự án thủy lợi, thủy điện trọng điểm trên phạm vi toàn quốc gia.
- Xây dựng Công ty trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường, phát triển bền vững và ổn định.
- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để tăng cường khả năng cạnh tranh.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Nâng cao trình độ quản lý, điều hành tại các chi nhánh.

#### **Đối với nhân sự:**

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; tạo cơ hội và điều kiện phát triển cho tất cả nhân viên.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn và hiệu quả làm việc cao.



### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Mở rộng hợp tác đầu tư, liên kết và định hướng phát triển đa ngành nghề với quy mô lớn mạnh.
- Tiếp tục đầu tư có hiệu quả cho các đơn vị trực thuộc nhằm đem lại hiệu quả ngày càng tăng cao cho toàn Công ty.
- Nâng cao năng lực quản lý thiết bị: Công tác bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên, quản lý công tác sửa chữa, đảm bảo hoạt động hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.
- Đầu tư vào các công nghệ tiên tiến, các máy móc, thiết bị hiện đại giúp tăng năng lực thi công cũng như hiệu quả lao động của công nhân viên.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các đợt đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng mềm khác.
- Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư các dự án có vốn nước ngoài để nâng cao giá trị và thể hiện khả năng hoạt động của Công ty.

### Các mục tiêu phát triển bền vững

- Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và các nguyên tắc an toàn lao động tại công trình thi công; xây dựng môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch và hiệu quả.
- Đáp ứng nhu cầu về thu nhập, đời sống và môi trường làm việc cho người lao động; tạo điều kiện thu hút người lao động có trình độ và tay nghề cao và giữ vững đội ngũ công nhân viên hiện tại với mục tiêu đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.
- Xây dựng công tác bảo vệ môi trường, tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện và từ thiện đối với cộng đồng và toàn xã hội.
- Tuân thủ quy trình khai thác, các quy tắc an toàn trong hoạt động và công tác bảo vệ môi trường.
- Đẩy mạnh phong trào văn hóa, thể thao quần chúng, tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, lành mạnh tới cán bộ nhân viên của công ty.
- Hướng tới các mục tiêu vì cộng đồng, chung tay giúp đỡ và hỗ trợ cộng đồng địa phương như trích Quỹ phúc lợi để tặng quà Tết cho Đồng bào dân tộc vùng khó khăn; hỗ trợ và đóng góp vào một số công trình cơ bản của địa phương...



# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... sẽ tác động trực tiếp đến bất cứ doanh nghiệp nào hoạt động sản xuất và kinh doanh trong một nền kinh tế chung.

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2018 tăng lên 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Riêng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6 điểm.

Trước những thuận lợi trên, LHC đã chủ động tìm kiếm và chọn thầu những công trình phù hợp để tận dụng cơ hội tạo các hợp đồng lớn cho Công ty đồng thời thể hiện khả năng thích nghi với tiến trình hội nhập.

Ngoài ra, các chính sách lãi suất, lạm phát và tỷ giá được Chính phủ kiểm soát chặt chẽ và ổn định. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn đầu tăng trưởng, vấn đề đầu tư công từ Nhà nước thường bị hạn chế do nợ công cao và tình hình tổng thu ngân sách Nhà nước chưa ổn định. Vì vậy, để hạn chế việc thiếu dự án và công việc cho người lao động, Công ty luôn chủ động trong vấn đề tìm kiếm và đầu tư vào các dự án có tiềm năng trên phạm vi cả nước, nhất là các dự án nhận đầu tư từ nước ngoài.

## Rủi ro về vốn

Ngành xây dựng đòi hỏi cao về khả năng tài chính của Công ty, các dự án cần có nguồn vốn lớn để đầu tư xây dựng các công trình. Việc vay nợ hay chậm trễ trong chính sách thu hồi nợ cũng phần nào ảnh hưởng đến doanh thu cũng như tình hình sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Chính vì điều này, LHC luôn quan tâm và chú trọng trong công tác quản lý, theo dõi sát tiến độ thanh toán của từng công trình tránh trường hợp bị chiếm dụng vốn quá nhi



### Rủi ro về pháp luật

Mọi quy định pháp luật về kinh doanh đều tác động trực tiếp đến kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Một môi trường pháp lý lành mạnh vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động kinh doanh và vừa điều chỉnh các hoạt động kinh tế của mình sao cho có hiệu quả. Vì vậy các chính sách, các nghị định, các văn bản dưới luật ban hành không ổn định và luôn thay đổi có thể gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



### Rủi ro về môi trường

Công ty cam kết thực hiện đúng các quy tắc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, trồng rừng cũng là một trong các hoạt động chính của Công ty với mục tiêu hướng đến phủ xanh các khu vực bị tàn phá trước đó, bị xói mòn... Tuy nhiên, một số hoạt động khác như khai thác khoáng sản, thi công công trình, phun vữa xi măng có khả năng ảnh hưởng nguồn nước và khói bụi đến khu vực dân cư lân cận. Việc chú trọng bảo vệ môi trường được Công ty thực hiện đầy đủ và đảm bảo không có vi phạm nào xảy ra trong năm.



### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Là một doanh nghiệp trong ngành xây dựng, thi công công trình. Các nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu của LHC là đất, đá, xi măng, thép.... Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí xây dựng. Một sự biến động nhẹ về giá cũng sẽ ảnh hưởng đến doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, LHC đã có những kế hoạch để nâng cao năng lực dự báo biến động giá, cũng như có chính sách mua nguyên vật liệu làm hàng tồn kho hợp lý. Tránh trường hợp tồn đọng trong kho lâu ảnh hưởng đến doanh thu và chất lượng công trình.



### Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, tại Việt Nam có khá nhiều các công ty hoạt động trong ngành xây dựng thủy lợi. Môi trường cạnh tranh đòi hỏi các doanh nghiệp có sự nhanh nhạy, kỹ năng phân tích và kịp thời nắm bắt cơ hội của đội ngũ quản lý. Để giảm rủi ro này, LHC đã tăng cường tìm kiếm các dự án trên khắp cả nước và nước ngoài nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty với các doanh nghiệp khác, và khẳng định được thương hiệu của Công ty trong và ngoài nước.





### **Rủi ro về thời tiết**

Với đặc thù thi công ngoài trời, các công trình đều lộ thiên, vào mùa mưa sẽ ảnh hưởng đến chất lượng công trình, nhất là khi các khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ có lượng mưa lớn và kéo dài theo mùa (bình quân 6 tháng/năm). Do đó, Công ty đã thích ứng và linh hoạt đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công đoạn khó vào mùa khô, sau đó các công việc khác có thể dễ dàng thực hiện vào mùa mưa.

### **Rủi ro tiến độ**

Ngành xây dựng có đặc thù giải ngân từng phần và phải thực hiện quy trình kiểm tra chất lượng công trình, phê duyệt dự án hay đến bù giải tỏa mặt bằng tốn nhiều thời gian và công sức nên tiến độ thường không được đảm bảo, đặc biệt đối với các công trình lớn như thủy điện, thủy lợi. Do đó, Công ty phải chi nhiều hơn cho chi phí quản lý và giám sát hoạt động thi công mới có thể hoàn thành đúng thời hạn mà vẫn đảm bảo chất lượng công trình.



### **Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố...đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn)...Để khắc phục rủi ro này, các công trình mà Công ty tham gia thi công đều được chủ đầu tư mua bảo hiểm rủi ro, vì thế đến thời điểm này Công ty đều tránh được các rủi ro do thiên tai gây ra.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## 02

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khoản mục	ĐVT	Năm 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018/2017	TH/KH 2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	713.684	600.000	885.903	124,13%	147,65%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	70.159	65.000	82.611	117,75%	127,09%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	71.765	66.000	84.667	117,98%	128,28%

Tổng kết năm 2018, các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh LHC đều có sự tăng trưởng so với năm 2017 và hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Doanh thu thuần trong năm 2018 đạt 885,903 tỷ đồng tăng 24,13% so với năm 2017 và vượt 47,65% so với kế hoạch nhờ vào việc Công ty hoàn tất được nhiều công trình lớn, đồng thời công tác bán hàng tiếp tục được hoàn thiện. Bên cạnh đó, với việc kiểm soát chặt các khoản chi phí, các chỉ tiêu về lợi nhuận cũng có sự tăng trưởng, cụ thể lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng 17,98% đạt 84,667 tỷ đồng, vượt 28,28% so với kế hoạch.

### Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thi công công trình	Triệu đồng	507.981	71,08%	739.609	83,28%
Khai thác khoáng sản và VLXD	Triệu đồng	206.716	28,92%	148.481	16,72%
<b>Tổng cộng</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>714.696</b>	<b>100%</b>	<b>888.090</b>	<b>100%</b>



■ Thi công công trình



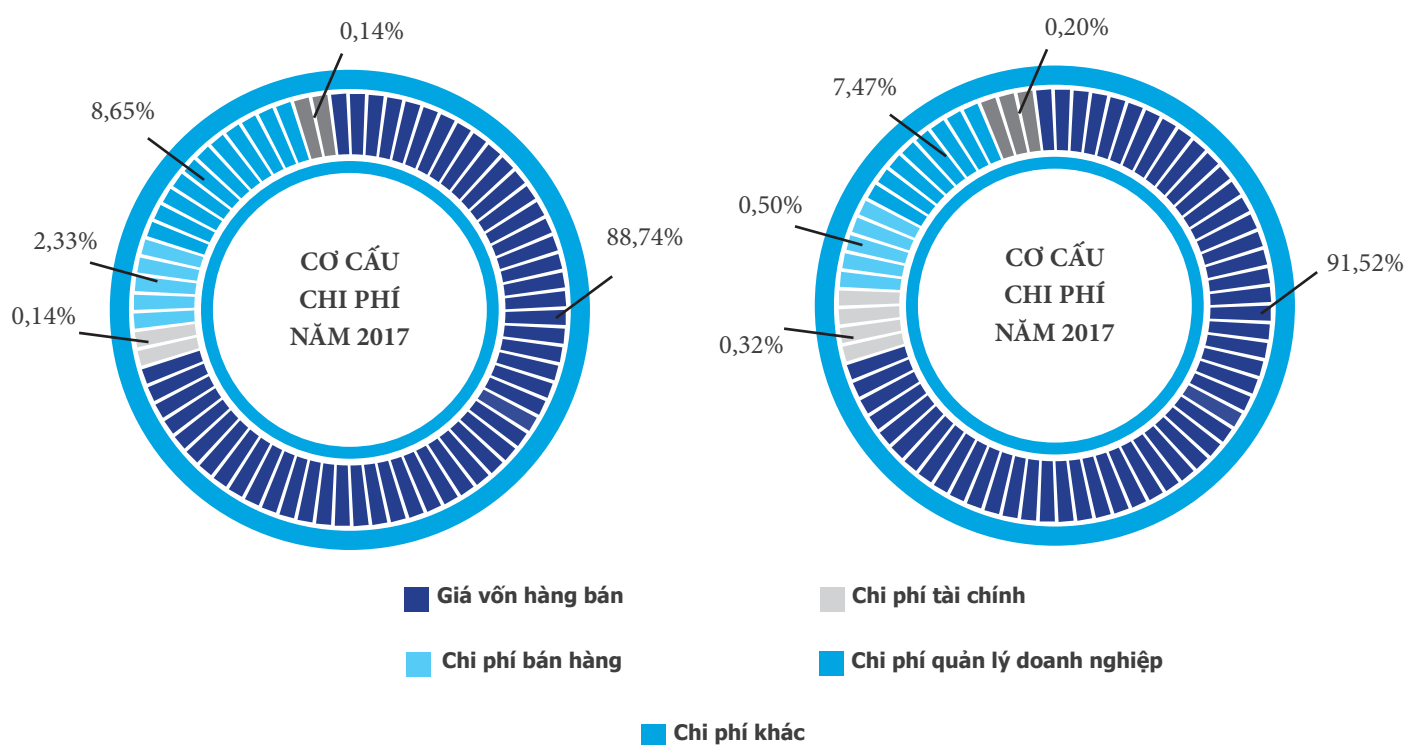
■ Khai thác khoáng sản và VLXD

Cơ cấu doanh thu của LHC năm 2018 không có sự biến động so với năm 2017. Doanh thu từ mảng thi công các công trình xây dựng vẫn là mảng hoạt động chính của Công ty, chiếm 83,28% trong cơ cấu doanh thu của LHC. Trong năm, doanh thu từ mảng thi công công trình tăng 45,6% đạt 739,609 tỷ đồng đến từ việc hoàn thành các dự án lớn như: dự án Thủy điện Phước Hòa, dự án Hồ chứa nước Dạ Lây, Hồ chứa nước Sao Mai, Công trình Thủy điện An Phước. Tỷ trọng doanh thu từ mảng khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng giảm từ 28,92% năm 2017 xuống còn 16,72% trong năm 2018.

## Cơ cấu chi phí

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	573.505	88,74%	737.599	91,52%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	914	0,14%	2.548	0,32%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	15.039	2,33%	3.997	0,50%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	55.913	8,65%	60.225	7,47%
Chi phí khác	Triệu đồng	876	0,14%	1.602	0,20%
<b>Tổng cộng</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>646.247</b>	<b>100%</b>	<b>805.971</b>	<b>100%</b>

Đối với các doanh nghiệp xây dựng, biến động giá vốn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu về lợi nhuận. Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh tăng trưởng kéo theo việc giá vốn hàng bán và chi phí của doanh nghiệp tăng, đặc biệt giá vốn hàng bán trong năm tăng đến 26,22% so với năm 2017 do giá nguyên vật liệu đầu vào như xi măng, sắt, thép, ... tăng mạnh. Bên cạnh đó, các công trình thi công của LHC nằm rải rác nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam nên việc tìm nguồn nguyên vật liệu thay thế chưa khả quan. Việc tổng chi phí tăng nhanh hơn mức tăng trưởng của doanh thu đã phần nào ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của LHC, cụ thể là doanh thu thuần tăng trưởng đến 24,13% nhưng giá trị lợi nhuận trước thuế chỉ tăng 17,98% so với năm 2017.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Tình hình đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết

Căn cứ Nghị quyết 02-2019/NQ/HDQT của HĐQT ngày 04/03/2019 thống nhất việc tham gia đấu giá mua vào 978.420 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) để nâng số lượng cổ phần sở hữu lên thành 6.000.000 cổ phiếu.

Căn cứ Nghị quyết 03-2019/NQ/HDQT của HĐQT ngày 02/04/2019 thống nhất mua vào 426.580 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) để nâng số lượng cổ phần sở hữu lên thành 6.426.580 cổ phiếu. Đây là số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) không bán hết trong phiên đấu giá ngày 26/03/2019.

### Tình hình đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị (đồng) (Nguyên giá)
	<b>Máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất</b>			<b>2.388.045.000</b>
01	Máy đầm đất MIKASA MT72FW	Cái	03	109.800.000
02	Máy khoan, bơm hóa chất và phụ kiện	Bộ	01	2.278.245.000
	Trong đó: Nguồn vốn đầu tư			
	Vốn khấu hao cơ bản của Công ty			2.388.045.000





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	538.978	551.166	2,26%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	713.684	885.903	24,13%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	70.159	82.610	17,75%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.606	2.057	28,08%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	71.765	84.667	17,98%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	57.035	67.155	17,74%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	8.390	10.861	29,45%

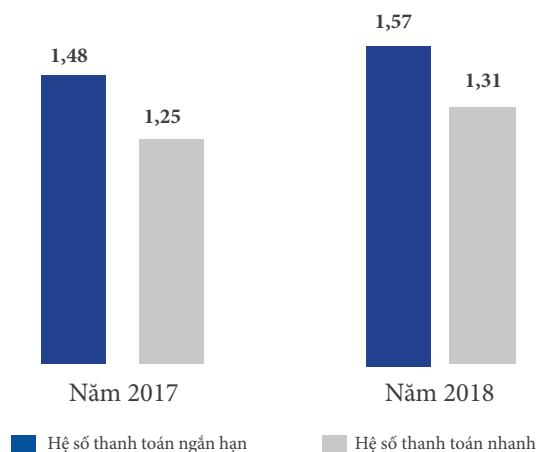
### Cơ cấu doanh thu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,48	1,57
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,25	1,31
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	40,20	33,89
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	67,21	51,26
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,94	15,53
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,49	1,63
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7,99	7,58
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	18,65	19,56
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	11,90	12,32
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,83	9,33

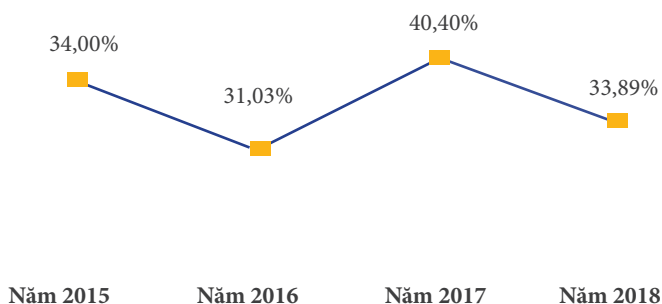
### Khả năng thanh toán

Các hệ số chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2018 đều tăng so với năm 2017. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,48 lần lên 1,57 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,25 lần lên 1,31 lần. Nguyên nhân chủ yếu do nợ ngắn hạn có sự sụt giảm mạnh hơn so với sự sụt giảm của tài sản ngắn hạn. LHC luôn đảm bảo được khả năng thanh toán đồng thời duy trì lượng vốn lưu động tối ưu để phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

### KHẢ NĂNG THANH TOÁN



### HỆ SỐ NỢ/TỔNG TÀI SẢN



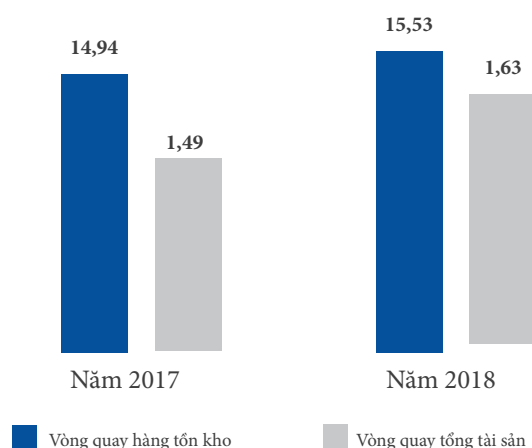
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tỷ trọng nợ phải trả trong cơ cấu nguồn vốn của công ty có xu hướng giảm dần qua thời gian. Năm 2018, hệ số nợ/tổng tài sản giảm từ 40,20% xuống 33,89%. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 67,21% xuống 51,26%. Nguyên nhân chính do sự sụt giảm trong khoản mục nợ phải trả người bán ngắn hạn của Công ty. Cơ cấu nguồn vốn của LHC trong những năm qua là phù hợp, đảm bảo tỷ lệ tự chủ an toàn tài chính trong quá trình hoạt động kinh doanh.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

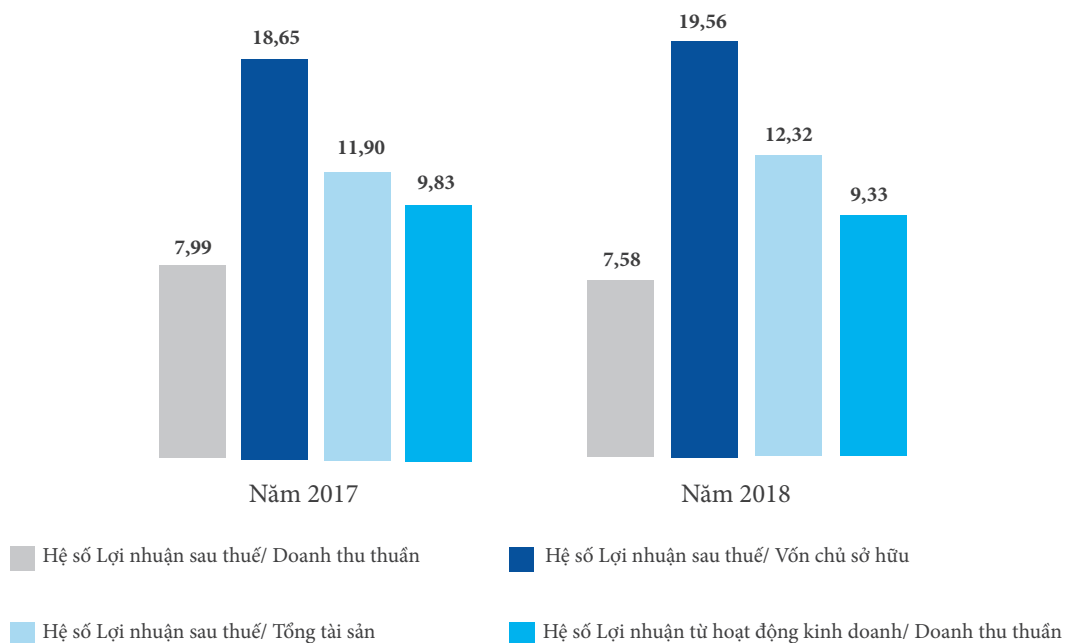
Trong năm 2018, Vòng quay hàng tồn kho của LHC tăng nhẹ từ 14,94 vòng lên 15,53 vòng chủ yếu do giá vốn hàng bán trong năm tăng mạnh từ 584,355 tỷ lên thành 737,590 tỷ tương ứng tăng 26,22% Nguyên nhân do tình hình biến động giá nguyên vật liệu đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, hệ số vòng quay Tổng tài sản cũng có sự gia tăng khi từ 1,49 vòng năm 2017 tăng lên 1,63 vòng năm 2018.

### NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2018 có sự biến động nhẹ so với năm 2017. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ từ 18,65% lên 19,56%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng từ 11,90% lên 12,32%. Trong khi đó, hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2018 giảm từ 7,99% xuống 7,58% và tỷ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm từ 9,83% còn 9,33%.



### HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 3.600.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Cổ phiếu thường: 3.600.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.600.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>170</b>	<b>2.641.667</b>	<b>73,38%</b>
	- Tổ chức	1	120	-
	- Cá nhân	169	2.641.557	73,38%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>26</b>	<b>958.323</b>	<b>26,62%</b>
	- Tổ chức	7	309.800	8,61%
	- Cá nhân	19	648.532	18,01%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>196</b>	<b>3.600.000</b>	<b>100%</b>

### Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Huỳnh Thanh Thảo	321278786	280/54 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	266.800	7,41%
Lê Đình Hiến	250412901	70 Pasteur, TP. Đà Lạt	268.000	7,44%
SHIH KUAN TUNG	IA2860	NO 81, Mincyuan RD, Sinshih Township, Tainan Country 744, TAIWAN R.O.C	423.950	11,78%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>958.750</b>	<b>26,63%</b>

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## 03

- Hội đồng quản trị
- Ban Điều hành
- Ban kiểm soát
- Tình hình nhân sự



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	268.000	7,44%
2	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	22.900	0,64%
3	Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng	94.500	2,63%
4	Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	36.000	1%
5	Bùi Trung Trực	Thành viên HĐQT	17.400	0,48%

## Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

### Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh	07/04/1964
Nơi sinh	Thái Bình
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	268.000 cổ phiếu, chiếm 7,44% vốn điều lệ

### Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám Đốc

Năm sinh	24/03/1976
Nơi sinh	Nam Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	22.900 cổ phiếu, chiếm 0,64% vốn điều lệ

### Ông Hầu Văn Tuấn – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế Toán Trưởng

Năm sinh	05/05/1966
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	94.500 cổ phiếu, chiếm 2,63% vốn điều lệ



## Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT

Năm sinh	08/05/1953
Nơi sinh	Thái Bình
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thủy lợi, Chuyên viên cao cấp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	36.000 cổ phiếu, chiếm 1% vốn điều lệ

## Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT

Năm sinh	11/11/1955
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn	Kỹ thuật viên
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	17.400 cổ phiếu, chiếm 0,48% vốn điều lệ

## BAN ĐIỀU HÀNH

### Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	268.000	7,44%
2	Kim Ngọc Đăng	Phó Giám đốc	16.500	0,46%
3	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	22.900	0,64%
4	Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán Trưởng	94.500	2,63%

### Lý lịch thành viên Ban điều hành

Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (*Xem lý lịch của Hội đồng quản trị*)

Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám Đốc (*Xem lý lịch của Hội đồng quản trị*)

Ông Hầu Văn Tuấn – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế Toán Trưởng (*Xem lý lịch của Hội đồng quản trị*)

## Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng giám Đốc

Năm sinh	15/01/1962
Nơi sinh	Hà Tây
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	16.500 cổ phiếu, chiếm 0,46% vốn điều lệ

## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thị Liên	Trưởng Ban	56.000	1,56%
2	Tô Văn An	Thành viên	34.500	0,96%
3	Phạm Thị Tâm	Thành viên	7.000	0,19%

### Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

#### Bà Nguyễn Thị Liên – Trưởng BKS

Năm sinh	13/05/1972
Nơi sinh	Bắc Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	56.000 cổ phiếu, chiếm 1,56% vốn điều lệ

#### Ông Tô Văn An – Thành viên BKS

Năm sinh	16/03/1954
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Trung cấp nghiệp vụ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	34.500 cổ phiếu, chiếm 0,96% vốn điều lệ

#### Bà Phạm Thị Tâm – Thành viên BKS

Năm sinh	04/11/1984
Nơi sinh	Hải Dương
Trình độ chuyên môn	Cư nhân kinh tế Chuyên ngành kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	7.000 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ

## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ nhân viên tại ngày 31/12/2018

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Khối văn phòng</b>	<b>14</b>	<b>100%</b>
1	Đại học	9	64,29%
2	Lao động có tay nghề	5	35,71%
<b>II</b>	<b>Khối sản xuất</b>	<b>49</b>	<b>100%</b>
1	Đại học	12	24,49%
2	Lao động có tay nghề	37	75,51%
<b>Tổng cộng</b>		<b>63</b>	<b>100%</b>





## Các chính sách đối với người lao động

### Chính sách tuyển dụng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	7.000.000	7.200.000	7.600.000

Nhằm tạo điều kiện giúp cho cán bộ công nhân viên có tư tưởng thoải mái đối với nhiệm vụ được phân công và kết quả mà họ có được. Công ty đã đưa ra nhiều chế độ như: tạo môi trường làm việc chất lượng cao, có kế hoạch tiền lương, tiền thưởng hợp lý, công bằng và chính xác.

Hàng năm, Công ty đã tiến hành các chương trình nghỉ dưỡng, khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp cho những trường hợp khó khăn, thăm hỏi các trường hợp đau yếu, thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể 24/24, các chế độ khác đối với chị em phụ nữ, các chế độ phụ cấp đối với người lao động và khen thưởng đột xuất trực tiếp bằng hiện vật hoặc tiền thưởng đối với đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, khen thưởng định kỳ thông qua các cuộc họp sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua.

Thường xuyên thu thập thông tin để tìm hiểu nhu cầu của người lao động trên từng vị trí công tác trên tinh thần hợp tác, Công ty đã tiếp nhận tất cả các ý kiến sau đó phân tích đánh giá tại các phiên họp định kỳ hoặc không định kỳ của Công ty để ra quyết định hành động kịp thời. Lãnh đạo Công ty đã xây dựng, triển khai một môi trường làm việc mà tất cả mọi thành viên đều tham gia hoạch định và thực hiện mục tiêu.

### Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

### Chính sách đào tạo

Công tác phát triển và quản lý nguồn nhân lực có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. Hàng năm, Công ty tiến hành công tác hoạch định lại nguồn nhân lực, xác định năng lực cần thiết của những người thực hiện công việc có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty để tiến hành tuyển dụng, đào tạo hay thực hiện những biện pháp thích hợp để đáp ứng các nhu cầu về năng lực, đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, đảm bảo các cán bộ công nhân viên nhận thức được mối liên quan và tầm quan trọng các hoạt động của họ và họ đóng góp như thế nào đối với việc đạt được các mục tiêu chất lượng là việc làm thường xuyên được chú trọng. Đối với những cá nhân xuất sắc, Công ty tạo điều kiện đi đào tạo nâng cao trình độ và tạo cơ hội cho họ đảm nhận công việc quan trọng hơn.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 04

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Đánh giá chung

Khoản mục	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	(%) TH2018/ KH2018
Doanh thu thuần	Tr.đồng	600.000	885.903	147,65%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	65.000	82.611	127,09%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	66.000	84.667	128,28%

Năm 2018 là một năm mà các doanh nghiệp xây dựng có những cơ hội hoạt động tốt và khởi công được nhiều dự án mới. Đặc biệt nhờ vào chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở vật chất từ Nhà nước cũng như việc hội nhập đã khiến dòng vốn đầu tư vào Việt Nam tăng lên giúp thị trường xây dựng – bất động sản trong nước tăng trưởng mạnh mẽ. Ban Tổng giám đốc Công ty đã phân tích và đánh giá khách quan tình hình kinh tế, xã hội và khả năng thích ứng của Công ty để đưa ra những kế hoạch kinh doanh trong năm.

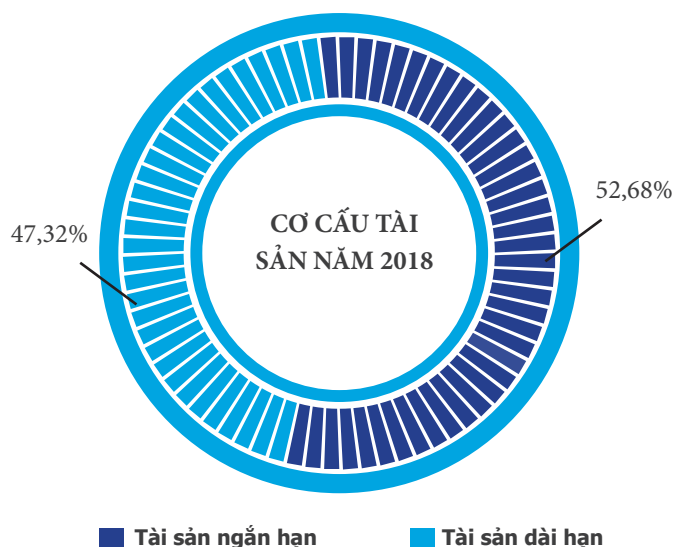
Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng thường xuyên theo dõi và kiểm soát các công tác thực hiện, chỉ đạo giải quyết kịp thời để sử dụng tối đa năng lực doanh nghiệp và hạn chế thấp nhất các rủi ro trong quá trình hoạt động. Nhưng bên cạnh đó, do tình hình biến động khó lường của nền kinh tế và sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước đã khiến cơ cấu chi phí tăng cao, thị phần Công ty có khả năng giảm sút. Tuy nhiên với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên cùng sự lãnh đạo của Ban điều hành giúp LHC hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổng kết năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh của LHC đạt 885,903 tỷ đồng, vượt 47,65% so với kế hoạch năm và lợi nhuận trước thuế đạt 84,667 tỷ đồng, vượt 28,28% so với kế hoạch năm đã đề ra.





## Tình hình tài sản

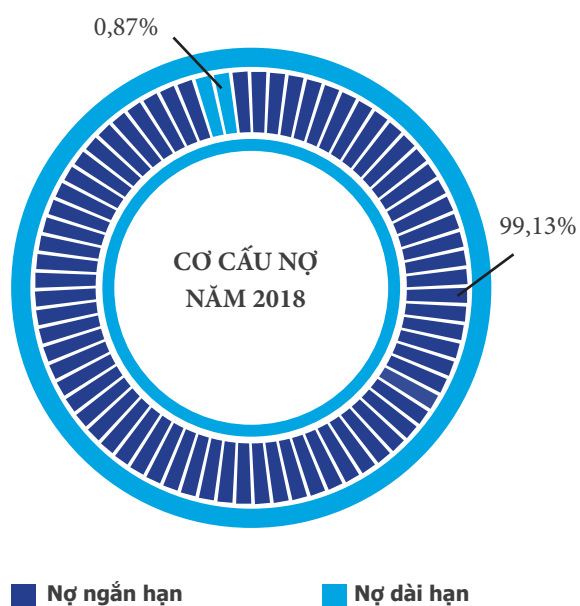
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2017	2018	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	312.098	290.340	(6,97)%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	226.879	260.826	14,96%
Tổng tài sản	Triệu đồng	538.978	551.166	2,26%



Trong cơ cấu tài sản của Công ty, chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là tài sản ngắn hạn, chiếm hơn 52,68% tổng tài sản. Trong năm 2018, tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ so với năm 2017 với hơn 12 tỷ đồng chủ yếu do sự tăng lên của tài sản dài hạn nhằm mua sắm máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn có giảm nhẹ, tương ứng 6,97% đến từ sự sụt giảm các khoản phải thu ngắn hạn.

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2017	2018	% Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	211.316	185.155	(12,38)%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	5.330	1.628	(69,46)%
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	216.645	186.783	(13,78)%



Tổng nợ phải trả của Công ty được cấu thành từ nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Tình hình nợ phải trả của LHC giảm mạnh trong năm 2018, từ 216,645 tỷ đồng xuống còn 186,783 tỷ đồng, giảm 13,78% so với năm 2017. Trong đó, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là nợ ngắn hạn, chiếm 99% trong khoản mục nợ phải trả. Năm 2018, khoản mục nợ phải trả người bán ngắn hạn đã giảm hơn 44 tỷ đồng là nguyên nhân chính dẫn đến nợ ngắn hạn giảm mạnh trong năm qua. Điều này cho thấy Công ty có những kế hoạch hợp lý, đảm bảo có thể trả được các khoản nợ vay theo đúng hạn.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

**Về công tác quản trị:** LHC đã áp dụng Điều lệ công ty theo đúng quy định. Căn cứ vào điều lệ tổ chức hoạt động công ty, các quy chế quản trị nội bộ khác cũng được hoàn thiện và áp dụng giúp việc tổ chức hoạt động công ty ngày càng ổn định và hiệu quả.

**Về tài chính:** Công tác quản lý tài sản, hàng tồn kho linh hoạt, thực hiện sự phối hợp nhịp nhàng, đảm bảo cung cấp đầy đủ vốn cũng như tình hình tài chính phù hợp với hoạt động của Công ty.

**Công tác phối hợp:** Các phòng ban, đơn vị trong Công ty có mối quan hệ tương tác, đồng bộ trong việc phối hợp thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo việc triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh khoa học, hiệu quả.

Bên cạnh đó, các chính sách quản lý được LHC linh hoạt sử dụng, đồng thời Công ty luôn sẵn sàng tiếp nhận và xem xét ý kiến đóng góp từ cán bộ công nhân viên, nghiên cứu những chính sách mới sao cho phù hợp và cập nhật được xu thế, tạo ra động lực phát triển lâu dài và mở rộng của Công ty.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo tạo mối quan hệ tốt với các cơ quan, chức năng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi công các công trình trong khu vực, cũng như thuận lợi trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2019	TH 2018	% KH 2019/TH 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	900	885,90	101,59%
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	864	737,50	117,15%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	80	82,60	96,85%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80	84,6	94,56%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	65	67,20	96,73%
6	EPS	Đồng	10.000	10.861	92,07%



### Thuận lợi:

- Tập thể lãnh đạo Công ty luôn là một tổ chức đoàn kết, thống nhất, quan tâm đến lợi ích doanh nghiệp và người lao động. Ban lãnh đạo Công ty năng động, luôn tìm tòi, đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh trong cơ chế cạnh tranh hiện nay, kịp thời đưa ra những quyết định đúng đắn đem lại hiệu quả kinh doanh khả quan cho Công ty.
- Công ty có đầy đủ các điều kiện về nhân lực, máy móc, tài chính để thi công những công trình lớn đảm bảo chất lượng và tiến độ.
- Tình hình tài chính ổn định, lành mạnh, đây chuyên công nghệ hiện đại và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân thợ bậc cao.
- Công ty đã làm tốt công tác củng cố mối quan hệ với các chủ dự án và khẳng định được chất lượng sản phẩm của chính mình nên đã ký được nhiều hợp đồng cho Công ty.

### Khó khăn:

- Do đặc thù ngành thủy lợi nên các công trình của Công ty không thể thi công vào mùa mưa, các diễn biến bất thường của thời tiết đều gây ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cùng một lúc phải triển khai nhiều công trình trọng điểm với giá trị, khối lượng công việc lớn, tiến độ và cường độ rất căng thẳng. Các công trình lại nằm phân tán, và không tập trung. Do vậy, lực lượng cán bộ kỹ thuật phải dàn mỏng dẫn đến công tác điều hành và chỉ đạo gặp khó khăn hơn.
- Một số công trình chưa có nguồn vốn hoặc vốn chậm nên các công trình phải giãn tiến độ nhằm bảo toàn vốn của Công ty.
- Trong những năm qua, giá cả vật tư, nhiên liệu và vật liệu xây dựng của thị trường biến động liên tục trong khi các chủ đầu tư chưa có cơ chế thanh toán cho các đơn vị thi công làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty trong năm.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05

- Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã bám sát những mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế đã quyết định nhằm chỉ đạo, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ và đã hoàn thành tốt những việc đó. Cụ thể:

- Các lĩnh vực kinh doanh luôn được duy trì trong tình trạng ổn định.
- Các chế độ phúc lợi, lương thưởng cho cán bộ công nhân viên luôn được đảm bảo chi trả đúng hạn.
- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động cho nhân viên.
- Tình hình doanh thu và cơ cấu lợi nhuận tăng thể hiện Công ty có chiến lược hoạt động và phát triển thương hiệu đạt hiệu quả.

## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc luôn được đánh giá cao trong việc thực hiện các kế hoạch của Hội đồng quản trị. Trong công việc luôn quyết đoán, sáng tạo để điều hành những hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có những chính sách và quyết định hợp lý đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Công ty và lợi ích của cổ đông.

## CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện theo đúng luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định về quản trị doanh nghiệp trong điều hành và các hoạt động của Công ty.
- Tập trung cao độ cho công tác đấu thầu, lập kế hoạch và phân công hợp lý. Tập trung nguồn lực để thi công nhằm đạt và vượt mục tiêu đề ra.
- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để tăng khả năng cạnh tranh.
- Đảm bảo hoàn thành và bàn giao các công trình đã cam kết với chủ đầu tư. Tiếp tục giải quyết dứt điểm công tác quyết toán các công trình còn tồn đọng.
- Tăng cường kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi. Đồng thời có biện pháp tích cực để thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi. Tổ chức điều hành quản lý chi theo hướng, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện cắt giảm các khoản chi không cần thiết.

STT	Khoản mục	KH 2019 Công ty mẹ	KH 2019 hợp nhất
1	Doanh thu thuần	200	900
2	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	20	36
3	Cổ tức	30-50%	30-50%



# BÁO CÁO

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## Tình hình tiêu thụ năng lượng

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng phần	Tổng giá trị sử dụng năm 2018	ĐVT
1	Loại năng lượng – điện	150.000	Kwh
2	Loại năng lượng – xăng	30.000	Lít
3	Loại năng lượng – dầu DO	1.500.000	Lít

## Tình hình tiêu thụ nước

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng năm 2018	ĐVT
1	Dùng phục vụ sản xuất	250.000	m <sup>3</sup> /năm
2	Dùng sinh hoạt	15.000	m <sup>3</sup> /năm
Tổng cộng		265.000	



### **Chính sách liên quan đến người lao động**

Hiện nay, mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 7.600.000 đồng. Ngoài việc cung cấp đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Công ty còn tổ chức tặng quà, hỗ trợ tiền mặt cho nhân viên vào các dịp Lễ, Tết.

Thường thêm cho cá nhân có thành tích nổi trội, có sáng kiến trong quá trình tham gia hoạt động kinh doanh. Khuyến khích nhân viên đưa ra những ý tưởng mới, góp phần vào quá trình phát triển bền vững của Công ty.

### **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Nhiều năm qua, LHC xác định các công việc liên quan đến trách nhiệm cộng đồng là hoạt động không thể thiếu trên con đường phát triển kinh doanh của mình. Cụ thể nhất là Công ty đã xác định mục tiêu của các hoạt động là hướng đến cộng đồng chung.

Công ty luôn kêu gọi, khuyến khích nhân viên phối hợp và cùng thực hiện các hoạt động tình nguyện, giúp đỡ những cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, luôn tích cực trong cộng tác san sẻ một phần lợi nhuận của mình để giúp đỡ những nạn nhân sau bão lụt miền Trung.

### **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty nghiêm túc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2018 Công ty không vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường.

### **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Không có

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 07

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Các buổi họp của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch	08	100%	
2	Lê Văn Quý	Thành viên	08	100%	
3	Hầu Văn Tuấn	Thành viên	08	100%	
4	Mai Nam Dương	Thành viên	08	100%	
5	Bùi Trung Trực	Thành viên	08	100%	

## Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các phòng Ban, các công trường trực thuộc Công ty, triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông và của Công ty.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có mời Ban Tổng giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát tham dự để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để các thành viên được mời có ý kiến và nhận sự chỉ đạo kịp thời.

Chỉ đạo các hoạt động chính của Ban Tổng giám đốc:

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Chỉ đạo công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 18 năm 2018.
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Ban Tổng giám đốc theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
- Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ, chỉ đạo sửa đổi bổ sung kịp thời phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Chỉ đạo sửa đổi, bổ sung định mức và đơn giá nội bộ để áp dụng thống nhất trong toàn công ty.

## Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Số: 01-2018/NQ/HĐQT	12/01/2018	<p><b>Điều I:</b> HĐQT nhất trí thông qua con dấu của Công ty như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Mẫu con dấu:<ul style="list-style-type: none"><li>- Hình thức con dấu: Con dấu hình tròn</li><li>- Kích thước con dấu: Đường kính là 36 mm</li><li>- Nội dung con dấu:<ul style="list-style-type: none"><li>• Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng</li><li>• Mã số doanh nghiệp: 5800000424</li><li>• Loại hình doanh nghiệp: CTCP</li><li>• Mẫu mực con dấu: Mầu đỏ.</li></ul></li></ul></li><li>2. Số lượng con dấu: 02 (hai).</li></ol> <p><b>Điều II:</b> Các Ông (bà) Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các Phòng ban, Đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>

Các Nghị quyết/Quyết định (tt)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
02	Số: 02-2018/NQ/HĐQT	18/01/2018	<p><b>Điều I:</b> Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Thị trấn Dạ Tềh, huyện Dạ Tềh, tỉnh Lâm Đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: Số T418552</li> <li>Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: Số V085916</li> </ol> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng diện tích đất là: 745 m<sup>2</sup></li> <li>Chiều ngang mặt tiền là: 11,8 m</li> <li>Diện tích Nhà cấp 4 là: 192 m<sup>2</sup></li> </ul> <p>Tổng giá trị chuyển nhượng là: 2.500.000.000 đồng</p> <p><b>Điều II:</b> Các Ông (bà) Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các Phòng ban, Đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
03	Số: 03-2018/NQ/HĐQT	12/03/2018	<p><b>Điều 1:</b> HĐQT thống nhất triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt với nội dung như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: 04/04/2018</li> <li>Tỷ lệ thanh toán cổ tức đợt 2: 15%/cổ phần (một cổ phần được nhận 1.500, đồng)</li> <li>Ngày thanh toán cổ tức: Ngày 20/04/2018</li> <li>Ngày tổ chức ĐHĐCĐ: Ngày 22/04/2018</li> </ol> <p><b>Điều 2:</b> Hội đồng quản trị thống nhất thông qua một số nội dung chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 18 năm 2018:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo công tác quản trị Công ty năm 2017 của HĐQT trước ĐHĐCĐ</li> <li>Thông qua dự thảo Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội để trình ĐHĐCĐ</li> <li>Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 để trình ĐHĐCĐ: <ol style="list-style-type: none"> <li>Công ty mẹ <ul style="list-style-type: none"> <li>Doanh thu thuần: 200 tỷ đồng</li> <li>Lợi nhuận sau thuế: 15 tỷ đồng</li> <li>Cổ tức chia cho cổ đông: 30%</li> <li>Đầu tư mua sắm TSCĐ: 10÷15 tỷ đồng</li> <li>Khấu hao TSCĐ: 11÷13 tỷ đồng</li> <li>Đầu tư tài chính, liên kết: Tối đa 120 tỷ đồng</li> </ul> </li> <li>Hợp nhất <ul style="list-style-type: none"> <li>Doanh thu thuần: 600 tỷ đồng</li> <li>Lợi nhuận sau thuế: 27 tỷ đồng</li> <li>Cổ tức chia cho cổ đông: 30%</li> </ul> </li> </ol> </li> <li>Thống nhất nội dung các Tờ trình khác để trình ĐHĐCĐ.</li> </ol>

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
04	Số: 04-2018/NQ/ HĐQT	14/06/2018	<p><b>Điều 1:</b> Hội đồng quản trị quyết định chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.</p> <p><b>Điều 2:</b> Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
05	Số: 05-2018/NQ/ HĐQT	05/11/2018	<p><b>Điều 1:</b> Hội đồng quản trị thống nhất với tỷ lệ 5/5 về việc thông qua báo cáo quyết toán tài chính quý 3 và lũy kế 9 tháng đầu năm 2018 của riêng công ty mẹ và quyết toán tài chính quý 3 và lũy kế 9 tháng đầu năm 2018 hợp nhất.</p> <p><b>Điều 2:</b> Hội đồng quản trị thống nhất với tỷ lệ 5/5 tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 20% (2.000 đồng/01 cổ phần):</p> <p>2.1 Ngày đăng ký cuối cùng: 22/11/2018</p> <p>2.2 Ngày thanh toán: 05/12/2018</p> <p><b>Điều 3:</b> Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
06	Số: 06-2018/NQ/ HĐQT	22/11/2018	<p><b>Điều 1:</b> Hội đồng quản trị thống nhất với tỷ lệ 5/5 về việc dùng 5.000.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng của Công ty để thế chấp tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Lâm Đồng để đảm bảo cho hạn mức vay vốn lưu động 50 tỷ VNĐ và hạn mức bảo lãnh 200 tỷ VNĐ.</p> <p><b>Điều 2:</b> Hội đồng quản trị thống nhất với tỷ lệ 5/5 Ủy quyền cho Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ký kết hồ sơ liên quan đến việc vay vốn, thế chấp tài sản và rút tài sản thế chấp với Ngân hàng.</p> <p><b>Điều 3:</b> Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực.





## BAN KIỂM SOÁT

### Các buổi họp của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Liên	Trưởng Ban	29/04/2016	02	100%	
2	Tô Văn An	Thành viên	29/04/2016	02	100%	
3	Phạm Thị Tâm	Thành viên	25/07/2000	02	100%	

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT và đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2018, tham gia lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- Thường xuyên trao đổi thông tin tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### Lương, thưởng và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng
<b>I. Hội đồng quản trị</b>					
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	120.000.000		
2	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	60.000.000		
3	Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng	72.000.000		
4	Bùi Trung Trực	Thành viên HĐQT	60.000.000	102.000.000	15.550.000
5	Mai Nam Dương	Thành viên HĐQT	60.000.000		
<b>II. Ban kiểm soát</b>					
1	Nguyễn Thị Liên	Trưởng Ban BKS	60.000.000		
2	Tô Văn An	Thành viên BKS	24.000.000		
3	Phạm Thị Tâm	Thành viên BKS	24.000.000		
<b>III. Ban điều hành</b>					
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc		721.000.000	19.000.000
2	Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám Đốc		262.828.000	16.400.000
3	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		269.800.000	15.550.000
4	Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng		264.627.397	15.550.000

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Mai Nam Dương	TV.HĐQT	85.150	2,37%	36.000	1%	Bán
Tô Văn An	Thành viên BKS	18.750	0,52%	34.500	0,958%	Nhận thừa kế

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 08

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán







RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3  
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026  
F +848 3827 5027

[www.rsm.global/vietnam](http://www.rsm.global/vietnam)

Số: 19.148/HN/BCKT-RSM HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Đặng Thị Hồng Loan**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2018-026-1

**Lộ Nguyễn Thủy Phương**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1191-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>290.339.658.842</b>	<b>312.098.440.514</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>84.666.050.428</b>	<b>70.638.119.832</b>
1. Tiền	111		61.680.119.421	63.838.119.832
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.985.931.007	6.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>633.771.930</b>	<b>9.603.990.764</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	633.771.930	9.603.990.764
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157.403.660.988</b>	<b>183.861.723.735</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	158.452.298.340	174.402.288.039
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	10.689.958.792	18.064.085.780
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.599.580.000	599.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.813.412.582	7.197.428.730
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(20.151.588.726)	(16.401.658.814)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>47.319.378.270</b>	<b>47.688.160.350</b>
1. Hàng tồn kho	141		48.870.183.139	49.238.965.219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>316.797.226</b>	<b>306.445.833</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.906.667	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	294.890.559	306.445.833
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>260.826.101.087</b>	<b>226.879.224.770</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.297.374.845</b>	<b>1.064.941.997</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.297.374.845	1.064.941.997
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>214.232.010.215</b>	<b>188.129.679.263</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	189.943.072.192	166.867.689.109
Nguyên giá	222		505.992.380.223	444.045.282.365
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(316.049.308.031)	(277.177.593.256)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	24.288.938.023	21.261.990.154
Nguyên giá	228		28.496.192.098	25.429.692.098
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.207.254.075)	(4.167.701.944)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.889.701.688</b>	<b>4.034.388.078</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	14.889.701.688	4.034.388.078
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.407.014.339</b>	<b>33.650.215.432</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	23.308.624.474	23.998.138.030
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.20	1.204.910.518	1.065.128.029
3. Lợi thế thương mại	269	4.12	5.893.479.347	8.586.949.373
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>551.165.759.929</b>	<b>538.977.665.284</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>186.782.978.730</b>	<b>216.645.177.301</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>185.154.906.230</b>	<b>211.315.676.329</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	76.461.922.756	120.467.467.492
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	33.842.452.629	44.659.287.988
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	9.410.865.766	9.332.065.999
4. Phải trả người lao động	314		17.249.495.840	10.846.990.185
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	12.588.647.323	11.285.506.045
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	21.024.607.087	6.676.773.943
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	1.831.365.000	2.577.762.500
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.19	11.536.300.396	4.401.851.343
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.209.249.433	1.067.970.834
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.628.072.500</b>	<b>5.329.500.972</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	641.572.500	4.343.000.972
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.19	986.500.000	986.500.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>364.382.781.199</b>	<b>322.332.487.983</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.21	<b>364.382.781.199</b>	<b>322.332.487.983</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		72.317.910.483	72.017.910.483
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.774.062.585	64.069.486.268
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		51.456.702.283	33.754.290.854
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.317.360.302	30.315.195.414
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		144.238.099.951	129.192.383.052
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>551.165.759.929</b>	<b>538.977.665.284</b>



**Lê Đình Hiến**  
**Tổng Giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Hầu Văn Tuấn**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Ngọc Dũng**  
**Người lập**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	888.089.759.689	714.696.302.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.186.440.207	1.012.180.358
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		885.903.319.482	713.684.121.848
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	737.598.612.390	584.355.130.913
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		148.304.707.092	129.328.990.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.076.219.214	1.846.816.229
7. Chi phí tài chính	22	5.4	2.548.207.535	914.489.931
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>241.789.612</i>	<i>475.574.096</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	3.997.235.126	4.188.869.875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	60.224.923.177	55.913.185.205
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.610.560.468	70.159.262.153
11. Thu nhập khác	31	5.7	3.658.980.518	2.482.608.189
12. Chi phí khác	32		1.602.047.724	876.471.224
13. Lợi nhuận khác	40		2.056.932.794	1.606.136.965
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.667.493.262	71.765.399.118
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	17.837.274.266	15.237.178.669
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.10	(325.403.203)	(506.945.400)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.155.622.199	57.035.165.849
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		39.317.360.302	30.315.195.414
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		27.838.261.897	26.719.970.435
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.4	10.861	8.390
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.4	10.861	8.390



**Lê Đình Hiền**  
**Tổng Giám đốc**  
 Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Hầu Văn Tuấn**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Ngọc Dũng**  
**Người lập**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		84.667.493.262	71.765.399.118
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	45.297.557.840	39.773.730.497
Các khoản dự phòng	03		10.886.928.965	4.003.749.312
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(32.682.383)	(5.330.270)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.037.865.445)	(2.229.906.077)
Chi phí lãi vay	06	5.4	241.789.612	475.574.096
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>138.023.221.851</b>	<b>113.783.216.676</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.168.622.739	(29.328.856.439)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.297.262.080	(17.137.323.706)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(32.045.678.226)	85.262.666.259
Tăng giảm chi phí trả trước	12		667.606.889	(17.171.292.379)
Tiền lãi vay đã trả	14		(241.789.612)	(475.574.096)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(18.204.795.174)	(11.894.411.906)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(75.941.236)	(265.246.296)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>115.588.509.311</b>	<b>122.773.178.113</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(83.018.787.323)	(87.580.972.930)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.712.399.357	19.180.911.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.563.771.930)	(21.570.047.263)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.533.990.764	19.442.842.055
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000)	(12.125.291.168)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	836.967.559	1.738.983.552
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(71.529.201.573)</b>	<b>(80.913.573.937)</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.602.600.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(460.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	48.557.269.338	73.341.680.358
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(53.000.320.801)	(76.554.864.502)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.148.029.500)	(21.970.111.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30.051.080.963)</b>	<b>(16.580.695.144)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>14.008.226.775</b>	<b>25.278.909.032</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		70.638.119.832	45.353.880.530
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.703.821	5.330.270
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>84.666.050.428</b>	<b>70.638.119.832</b>



**Lê Đình Hiền**  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Hầu Văn Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Ngọc Dũng**  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 29 tháng 06 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2018 là 807 (31/12/2017 là: 781).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn;
- Hoạt động xuất nhập khẩu;
- Trồng rừng.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 1.5. Các công ty con được hợp nhất

#### *Các công ty con trực tiếp:*

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ Phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	59,70%	59,70%
2.	Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn XI, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	51,00%	51,00%

#### *Các công ty con gián tiếp:*

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	59,70%
2.	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng.	80,72%	48,19%
3.	Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắc R'Lấp, Tỉnh Đắc Nông.	100,00%	59,70%

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

### ***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### ***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch sau:
  - + Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam;
  - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
  - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

#### **3.5. Nợ phải thu**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

##### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.6. Hàng tồn kho**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2018</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế được chi tiết tại các vị trí như sau:

- Tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng: Đã trích khấu hao hết.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Lực: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Tại số 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại 251-251A Đường Ung Văn Khiêm, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

#### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### **3.9. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm;
- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm;
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

### **3.11. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ ngay số lợi thế thương mại bị tổn thất trong kỳ phát sinh.

#### **3.12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **3.13. Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### **3.14. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **3.15. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

#### **3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

##### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.17. Doanh thu và thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại mục 3.18 dưới đây.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### ***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

### **3.18. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### **3.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### 3.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### 3.22. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

#### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### *Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu: 0%
- Trong nước: 10%

### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

### **3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.25. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **3.26. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

*(Xem tiếp trang sau)*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	1.594.831.814	2.143.686.540
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.085.287.607	61.694.433.292
Các khoản tương đương tiền	22.985.931.007	6.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>84.666.050.428</b>	<b>70.638.119.832</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,3% đến 6,0%/năm.

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với lãi suất 6,0%/năm.

**4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
TT Quản lý Dự án & TVXD Công trình NN & PTNT Bình Thuận	8.150.050.821	-
TT QLĐT& Khai thác Thủy lợi( Sở NN& PTNN LD)	7.901.565.720	-
Công ty CP Thủy điện Liên Gích	7.363.773.000	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-
Ban Quản lý Dự án ngành NN và PT Nông thôn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	7.567.645.117	7.567.645.117
BQL các tiểu dự án RETA	3.662.237.203	3.022.447.519
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Phước Hòa	18.999.700.000	54.800.428.666
BQL Sở Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương	3.250.736.119	-
Các khách hàng khác	92.754.027.305	109.011.766.737
<b>Cộng</b>	<b>158.452.298.340</b>	<b>174.402.288.039</b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Kỹ Thuật Toàn Năng	-	1.210.000.000
ASKB Co., Ltd	2.340.854.350	-
Công ty Cổ Phần Máy Xây Dựng Đại Nam	1.581.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	6.768.104.442	16.854.085.780
<b>Cộng</b>	<b>10.689.958.792</b>	<b>18.064.085.780</b>

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn:</b>				
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	-	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu cho Công ty Hà Hưng mượn nguyên liệu	316.885.717	-	699.885.717	-
Phải thu người lao động	1.175.438.557	-	1.240.760.482	-
Phải thu khác	895.214.442	-	830.908.665	(41.679.650)
<b>Cộng</b>	<b>6.813.412.582</b>	<b>-</b>	<b>7.197.428.730</b>	<b>(4.467.553.516)</b>
<b>Dài hạn:</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.297.374.845	-	1.064.941.997	-

*(Xem tiếp trang sau)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn	18.988.237.084	3.262.522.224	15.959.034.202	4.022.381.404
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.425.873.866	-	4.467.553.516	2.547.500
<b>Cộng</b>	<b>23.414.110.950</b>	<b>3.262.522.224</b>	<b>20.426.587.718</b>	<b>4.024.928.904</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc hoặc đang tranh chấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
TT QLKT CT Công cộng Huyện Đạtêh	4.107.661.525	2.073.901.525	Từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	
Công ty TNHH SX TM Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	32.144.220	Từ 6 tháng đến 1 năm	8.802.563.055	2.712.200.516	Từ 6 tháng đến 1 năm
Các khách hàng khác	10.503.886.370	1.156.476.479	Từ 6 tháng đến 3 năm	11.624.024.663	1.312.728.388	Từ 6 tháng đến 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>23.414.110.950</b>	<b>3.262.522.224</b>		<b>20.426.587.718</b>	<b>4.024.928.904</b>	

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.502.691.704	-	16.560.242.043	-
Công cụ, dụng cụ	531.331.489	-	493.824.244	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.419.673.074	-	19.352.217.290	-
Thành phẩm	9.999.809.758	(835.242.862)	10.946.932.540	(835.242.862)
Hàng hóa	1.416.677.114	(715.562.007)	1.885.749.102	(715.562.007)
<b>Cộng</b>	<b>48.870.183.139</b>	<b>(1.550.804.869)</b>	<b>49.238.965.219</b>	<b>(1.550.804.869)</b>

**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí sửa chữa nhà 929 Cần Thơ	3.750.617.362	3.750.617.362
Chi phí xây dựng văn phòng	10.429.394.342	-
Chi phí khác	709.689.984	283.770.716
<b>Cộng</b>	<b>14.889.701.688</b>	<b>4.034.388.078</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2018	70.797.218.969	253.754.909.823	117.303.573.029	1.352.560.786	520.611.939	316.407.819	444.045.282.365
Mua trong năm	800.135.424	30.586.065.000	29.248.028.158	59.075.455	-	-	60.693.304.037
Thanh lý, nhượng bán	(1.463.887.783)	(2.623.771.757)	(2.771.938.487)	-	-	-	(6.859.598.027)
Tăng do XDCB	7.225.189.676	-	-	-	-	-	7.225.189.676
Tăng khác	-	888.202.172	-	-	-	-	888.202.172
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>77.358.656.286</b>	<b>282.605.405.238</b>	<b>143.779.662.700</b>	<b>1.411.636.241</b>	<b>520.611.939</b>	<b>316.407.819</b>	<b>505.992.380.223</b>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2018	40.615.168.788	180.429.178.122	54.176.487.980	1.119.738.608	520.611.939	316.407.819	277.177.593.256
Khấu hao trong năm	3.279.755.972	23.340.930.898	18.522.129.080	115.189.759	-	-	45.258.005.709
Thanh lý, nhượng bán	(1.110.836.606)	(2.623.771.756)	(2.799.716.264)	-	-	-	(6.534.324.626)
Tăng khác	-	148.033.692	-	-	-	-	148.033.692
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>42.784.088.154</b>	<b>201.294.370.956</b>	<b>69.898.900.796</b>	<b>1.234.928.367</b>	<b>520.611.939</b>	<b>316.407.819</b>	<b>316.049.308.031</b>

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2018	30.182.050.181	73.325.731.701	63.127.085.049	232.822.178	-	-	166.867.689.109
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>34.574.568.132</b>	<b>81.311.034.282</b>	<b>73.880.761.904</b>	<b>176.707.874</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>189.943.072.192</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 180.088.382.355 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thẩm dò hầm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	22.384.797.000	2.528.795.098	516.100.000	25.429.692.098
Thanh lý, nhượng bán	(250.000.000)	-	-	(250.000.000)
Mua trong năm	3.316.500.000	-	-	3.316.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>25.451.297.000</b>	<b>2.528.795.098</b>	<b>516.100.000</b>	<b>28.496.192.098</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2018	1.122.806.846	2.528.795.098	516.100.000	4.167.701.944
Khấu hao trong năm	39.552.131	-	-	39.552.131
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>1.162.358.977</b>	<b>2.528.795.098</b>	<b>516.100.000</b>	<b>4.207.254.075</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	21.261.990.154	-	-	21.261.990.154
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>24.288.938.023</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.288.938.023</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.165.681.098 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	19.370.013.889	20.485.120.548
Chi phí sử dụng đất có thời hạn	2.269.917.540	2.319.263.580
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.668.693.045	983.753.902
Chi phí chờ phân bổ	-	210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.308.624.474</b>	<b>23.998.138.030</b>

Trong đó, chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Quyền khai thác mỏ Tam Bồ	-	156.531.866
Quyền khai thác mỏ Thạnh Mỹ	146.303.500	209.005.000
Quyền khai thác mỏ Cam Ly	631.807.694	556.550.155
Quyền khai thác mỏ Đa Quý	237.629.056	1.029.729.244
Quyền khai thác mỏ Lộc Tân	1.213.017.305	675.502.044
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	658.012.147	805.010.239
Quyền khai thác mỏ Tutra	308.692.996	352.792.000
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	16.174.551.191	16.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.370.013.889</b>	<b>20.485.120.548</b>

**4.12. Lợi thế thương mại**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tại ngày 01/01 Đã phân bổ trong năm	8.586.949.373 (2.693.470.026)	11.280.419.399 (2.693.470.026)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>5.893.479.347</b>	<b>8.586.949.373</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Global Hydroenergy GMBH	6.477.771.300	6.477.771.300	-	-
Công ty Hòa Thành Tiến	11.428.164.202	11.428.164.202	-	-
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Tháp Kim	3.415.085.776	3.415.085.776	50.873.176	50.873.176
Công ty CP Tư Vấn XD Thủy lợi 2	3.426.000.000	3.426.000.000	104.319.615	104.319.615
Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Thế Giới Nhà	3.672.485.000	3.672.485.000	1.807.381.000	1.807.381.000
Công ty CP XL Cứu Long	3.545.865.827	3.545.865.827	1.545.556.828	1.545.556.828
Phải trả cho các đối tượng khác	44.496.550.651	44.496.550.651	116.959.336.873	116.959.336.873
<b>Cộng</b>	<b>76.461.922.756</b>	<b>76.461.922.756</b>	<b>120.467.467.492</b>	<b>120.467.467.492</b>

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Đại Lợi Phát	2.000.954.000	1.700.000.000
BQL Dự án ĐTXD Ngành NN PTNT Tây Ninh	8.000.000.000	-
TT QLKT Công trình Công Cộng Huyện Đam rông	5.712.482.000	6.300.000.000
BQL Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10	10.331.095.000	-
Các khách hàng khác	7.797.921.629	36.659.287.988
<b>Cộng</b>	<b>33.842.452.629</b>	<b>44.659.287.988</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	2.605.155.277	39.582.493.450	38.574.316.726	-	1.596.978.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp	95.908.097	5.712.541.507	17.837.274.266	18.204.795.174	87.663.371	6.071.817.689
Thuế thu nhập cá nhân	174.552.062	148.127.217	1.642.633.972	2.299.525.249	194.352.062	824.818.494
Thuế tài nguyên	22.903.500	715.779.450	7.089.347.380	6.798.282.324	22.903.500	424.714.394
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	62.732.288	2.020.998.089	2.129.868.316	-	171.602.515
Các loại thuế khác	-	166.530.027	1.945.729.994	2.021.334.321	-	242.134.354
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	25.500.000	25.500.000	1.526.900	-
<b>Cộng</b>	<b>294.890.559</b>	<b>9.410.865.766</b>	<b>70.143.977.151</b>	<b>70.053.622.110</b>	<b>306.445.833</b>	<b>9.332.065.999</b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	1.111.743.087	1.064.941.997
Trích trước giá vốn công trình xây dựng	8.706.486.418	7.311.484.177
Các khoản trích trước khác	2.770.417.818	2.909.079.871
<b>Cộng</b>	<b>12.588.647.323</b>	<b>11.285.506.045</b>

**4.17. Phải trả khác ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn	1.186.012.372	533.425.494
BHXH, BHYT, BHTN	-	365.553.051
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	7.437.500
Phải trả thi công công trình	2.418.404.997	2.501.723.652
Phải trả Công ty TNHH Hoàng Minh	3.892.445.734	2.392.445.734
Phải trả Ông Nguyễn Quang Vinh về đặt cọc mua văn phòng Công ty tại 266 Hai Bà Trưng, Phường 6, TP. Đà Lạt	11.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.527.743.984	876.188.512
<b>Cộng</b>	<b>21.024.607.087</b>	<b>6.676.773.943</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỤY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.18. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	29.859.550.810	29.859.550.810	-	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.831.365.000	1.831.365.000	10.451.286.000	11.197.683.500	2.577.762.500	2.577.762.500
<b>Cộng</b>	<b>1.831.365.000</b>	<b>1.831.365.000</b>	<b>40.310.836.810</b>	<b>41.057.234.310</b>	<b>2.577.762.500</b>	<b>2.577.762.500</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	641.572.500	641.572.500	8.246.432.528	11.947.861.000	4.343.000.972	4.343.000.972
<b>Cộng</b>	<b>641.572.500</b>	<b>641.572.500</b>	<b>8.246.432.528</b>	<b>11.947.861.000</b>	<b>4.343.000.972</b>	<b>4.343.000.972</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.472.937.500</b>	<b>2.472.937.500</b>	<b>48.557.269.338</b>	<b>53.005.095.310</b>	<b>6.920.763.472</b>	<b>6.920.763.472</b>

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.19. Dự phòng phải trả**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	11.536.300.396	4.401.851.343
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	986.500.000	986.500.000

**4.20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.204.910.518	1.065.128.029

*(Xem tiếp trang sau)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.21. Vốn chủ sở hữu**

**4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi ích có đồng không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Số dư tại ngày 01/01/2017	36.000.000.000	21.052.708.180	71.117.910.483	55.422.725.645	105.809.243.560	289.402.587.868		
Lãi trong năm trước	-	-	-	30.315.195.414	26.719.970.435	57.035.165.849		
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	900.000.000	(900.000.000)	-	-		
Chia cổ tức	-	-	-	(16.200.000.000)	(5.770.111.000)	(21.970.111.000)		
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(4.455.971.225)	2.433.280.057	(2.022.691.168)		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(112.463.566)	-	(112.463.566)		
Số dư tại ngày 31/12/2017	36.000.000.000	21.052.708.180	72.017.910.483	64.069.486.268	129.192.383.052	322.332.487.983		
Lãi trong năm nay	-	-	-	39.317.360.302	27.838.261.897	67.155.622.199		
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	300.000.000	(300.000.000)	-	-		
Chia cổ tức	-	-	-	(12.600.000.000)	(12.540.592.000)	(25.140.592.000)		
Điều chỉnh khác	-	-	-	504.435.850	(251.952.998)	252.482.852		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(217.219.835)	-	(217.219.835)		
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>21.052.708.180</b>	<b>72.317.910.483</b>	<b>90.774.062.585</b>	<b>144.238.099.951</b>	<b>364.382.781.199</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của các cổ đông	36.000.000.000	36.000.000.000

**4.21.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.600.000	3.600.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.21.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	39.317.360.302	30.315.195.414
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(217.219.835)	(112.463.566)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	39.100.140.467	30.202.731.848
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>10.861</b>	<b>8.390</b>

**4.21.5. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	19.553,05	25.399,56
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Các khách hàng khác	3.856.779.443	2.991.853.443

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu thi công	739.608.614.246	507.980.501.493
Doanh thu kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	7.353.937.972	91.073.277.150
Doanh thu gồm sứ chịu lửa	33.178.820.878	31.942.247.809
Doanh thu gạch	82.408.181.721	58.589.689.773
Doanh thu cao lanh	25.540.204.872	25.110.585.981
<b>Cộng</b>	<b>888.089.759.689</b>	<b>714.696.302.206</b>

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn thi công	647.733.941.804	440.287.696.694
Giá vốn kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	4.476.928.009	76.526.069.522
Giá vốn gồm sứ chịu lửa	22.903.280.983	21.481.373.862
Giá vốn gạch	48.103.665.731	30.253.507.409
Giá vốn cao lanh	14.380.795.863	15.806.483.426
<b>Cộng</b>	<b>737.598.612.390</b>	<b>584.355.130.913</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	900.739.489	1.738.983.552
Lãi chênh lệch tỷ giá	175.479.725	107.832.677
	-	
<b>Cộng</b>	<b>1.076.219.214</b>	<b>1.846.816.229</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	241.789.612	475.574.096
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.281.962.070	58.743.936
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	24.455.853	380.171.899
<b>Cộng</b>	<b>2.548.207.535</b>	<b>914.489.931</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	501.727.515	490.782.486
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.634.707.962	1.325.781.822
Chi phí khấu hao TSCĐ	161.319.861	181.828.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.147.077.124	981.170.648
Chi phí bằng tiền khác	552.402.664	1.209.306.323
<b>Cộng</b>	<b>3.997.235.126</b>	<b>4.188.869.875</b>

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	31.060.619.487	28.450.134.540
Chi phí vật liệu quản lý	1.510.381.231	1.933.542.474
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.695.005.913	1.336.003.404
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.096.439.883	3.235.798.150
Thuế, phí và lệ phí	1.373.047.850	1.407.875.481
Chi phí dự phòng	-	3.837.501.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.370.723.907	2.810.393.111
Chi phí bằng tiền khác	17.118.704.906	12.901.936.082
<b>Cộng</b>	<b>60.224.923.177</b>	<b>55.913.185.205</b>

**5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.137.125.956	490.922.525
Hoàn nhập khoản dự phòng bảo hành công trình	1.324.216.364	1.000.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác cát	-	305.901.387
Thu nhập khác	197.638.198	685.784.277
<b>Cộng</b>	<b>3.658.980.518</b>	<b>2.482.608.189</b>

(Xem tiếp trang sau)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	463.859.728.871	408.883.053.946
Chi phí nhân công	120.314.339.725	95.473.995.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.297.557.840	39.773.730.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.596.759.074	79.114.817.136
Chi phí khác bằng tiền	37.403.646.197	33.510.736.985
<b>Cộng</b>	<b>800.472.031.707</b>	<b>656.756.334.288</b>

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	84.667.493.262	71.765.399.118
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.717.225.046	5.889.460.718
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.239.808.772)	(2.471.718.846)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	88.144.909.536	75.183.140.990
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	17.628.981.907	15.036.628.198
Trừ thuế TNDN được ưu đãi	(3.547.191)	(184.190.221)
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	211.839.550	384.740.692
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>17.837.274.266</b>	<b>15.237.178.669</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: phần chi phí khấu hao vượt mức quy định...

*(Xem tiếp trang sau)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	<b>Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho VND</b>	<b>Khấu hao TSCĐ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tại ngày 01/01/2017	(174.502.073)	(383.680.556)	(558.182.629)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(34.143.614)	(472.801.786)	(506.945.400)
Tại ngày 01/01/2018	(208.645.687)	(856.482.342)	(1.065.128.029)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(271.247.306)	(54.155.897)	(325.403.203)
Các điều chỉnh khác	-	185.620.714	185.620.714
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b><u>(479.892.993)</u></b>	<b><u>(725.017.525)</u></b>	<b><u>(1.204.910.518)</u></b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	48.557.269.338	73.341.680.358

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(53.000.320.801)	(76.554.864.502)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thi công công trình
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Sản xuất gạch;
- Khai thác và chế biến cao lanh;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Thị công công trình VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gồm sử chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	884.698.896.474	86.482.816.528	33.187.337.778	84.079.987.140	25.546.899.872	(228.092.618.310)	885.903.319.482
GVHB	800.774.138.212	74.025.068.288	23.560.492.322	51.112.940.243	15.493.629.372	(227.367.656.047)	737.598.612.390
<b>Lãi gộp</b>	<b>83.924.758.262</b>	<b>12.457.748.240</b>	<b>9.626.845.456</b>	<b>32.967.046.897</b>	<b>10.053.270.500</b>	<b>(724.962.263)</b>	<b>148.304.707.092</b>
Chi phí bán hàng	622.097.514	67.032.683	1.772.056.180	1.026.647.753	509.400.996	-	3.997.235.126
Chi phí QLDN	47.291.632.182	1.367.487.980	2.624.426.706	4.438.514.394	2.017.169.667	2.485.692.248	60.224.923.177
<b>Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh</b>	<b>36.011.028.566</b>	<b>11.023.227.577</b>	<b>5.230.362.570</b>	<b>27.501.884.750</b>	<b>7.526.699.837</b>	<b>(3.210.654.511)</b>	<b>84.082.548.789</b>
Doanh thu tài chính	17.657.178.180	9.927.139.372	1.304.422	18.483.712	840.590	(26.528.727.062)	1.076.219.214
Chi phí tài chính	204.834.136	2.337.517.350	4.947.563	-	908.486	-	2.548.207.535
<b>Lợi nhuận HD tài chính</b>	<b>17.452.344.044</b>	<b>7.589.622.022</b>	<b>(3.643.141)</b>	<b>18.483.712</b>	<b>(67.896)</b>	<b>(26.528.727.062)</b>	<b>(1.471.988.321)</b>
Thu nhập khác	4.733.926.827	29.832.600	1.467.871	125.956	3.458.785	(1.109.831.521)	3.658.980.518
Chi phí khác	1.305.289.602	248.067.467	21.306.917	7.895.473	19.488.265	-	1.602.047.724
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.428.637.225</b>	<b>(218.234.867)</b>	<b>(19.839.046)</b>	<b>(7.769.517)</b>	<b>(16.029.480)</b>	<b>(1.109.831.521)</b>	<b>2.056.932.794</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>56.892.009.835</b>	<b>18.394.614.732</b>	<b>5.206.880.383</b>	<b>27.512.598.945</b>	<b>7.510.602.461</b>	<b>(30.849.213.094)</b>	<b>84.667.493.262</b>
Chi phí thuế TNDN							17.837.274.266
Chi phí thuế hoãn lại							(325.403.203)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>67.155.622.199</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**Các thông tin khác**

	Thị công công trình Tại ngày 31/12/2018 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Tại ngày 31/12/2018 VND	Gồm sử chịu lừa Tại ngày 31/12/2018 VND	Gạch Tại ngày 31/12/2018 VND	Cao lanh Tại ngày 31/12/2018 VND	Loại trừ Tại ngày 31/12/2018 VND	Tổng cộng Tại ngày 31/12/2018 VND
Tài sản của bộ phận	531.047.885.544	51.912.031.355	19.920.976.079	50.469.712.990	15.334.739.552	(118.724.496.108)	549.960.849.411
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.204.910.518
<b>Tổng tài sản</b>	<b>531.047.885.544</b>	<b>51.912.031.355</b>	<b>19.920.976.079</b>	<b>50.469.712.990</b>	<b>15.334.739.552</b>	<b>(118.724.496.108)</b>	<b>551.165.759.929</b>
Nợ phải trả của bộ phận	163.005.212.252	15.934.404.259	6.114.746.000	15.491.684.464	4.707.000.147	(18.470.068.393)	186.782.978.730
	Thị công công trình Năm 2018 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Năm 2018 VND	Gồm sử chịu lừa Năm 2018 VND	Gạch Năm 2018 VND	Cao lanh Năm 2018 VND	Loại trừ Năm 2018 VND	Tổng cộng Năm 2018 VND
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	64.260.551.143	3.428.575.455	194.310.160	4.234.074.389	80.962.566	(963.480.000)	71.234.993.713
Chi phí khấu hao trong năm	40.236.171.045	1.465.325.765	902.576.460	1.670.697.219	1.875.645.185	(852.857.834)	45.297.557.840

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Thị công công trình VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gồm sử chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	648.601.808.937	189.053.030.418	25.110.585.981	73.090.503.825	31.942.247.809	(254.114.055.122)	713.684.121.848
GVHB	574.482.299.635	183.333.271.769	15.806.394.335	43.808.078.714	21.496.117.408	(254.571.030.948)	584.355.130.913
<b>Lãi gộp</b>	<b>74.119.509.302</b>	<b>5.719.758.649</b>	<b>9.304.191.646</b>	<b>29.282.425.111</b>	<b>10.446.130.401</b>	<b>456.975.826</b>	<b>129.328.990.935</b>
Chi phí bán hàng	338.196.322	60.119.450	540.273.165	1.435.015.374	1.815.265.564	-	4.188.869.875
Chi phí QLDN	39.798.698.358	1.347.144.030	2.691.201.537	6.387.735.507	3.208.269.080	2.480.136.693	55.913.185.205
<b>Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh</b>	<b>33.982.614.622</b>	<b>4.312.495.169</b>	<b>6.072.716.944</b>	<b>21.459.674.230</b>	<b>5.422.595.757</b>	<b>(2.023.160.867)</b>	<b>69.226.935.855</b>
Doanh thu tài chính	8.003.557.537	6.709.035.127	2.360.661	1.012.927.214	2.849.822	(13.883.914.132)	1.846.816.229
Chi phí tài chính	695.799.433	178.701.129	37.162.463	-	2.826.906	-	914.489.931
<b>Lợi nhuận HĐ tài chính</b>	<b>7.307.758.104</b>	<b>6.530.333.998</b>	<b>(34.801.802)</b>	<b>1.012.927.214</b>	<b>22.916</b>	<b>(13.883.914.132)</b>	<b>932.326.298</b>
Thu nhập khác	5.914.131.970	(36.133.721)	191.600	758.006.683	-	(4.153.588.343)	2.482.608.189
Chi phí khác	1.092.373.449	49.244.480	2.532.151	680.851.324	22.000	(948.552.180)	876.471.224
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>4.821.758.521</b>	<b>(85.378.201)</b>	<b>(2.340.551)</b>	<b>77.155.359</b>	<b>(22.000)</b>	<b>(3.205.036.163)</b>	<b>1.606.136.965</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>46.112.131.247</b>	<b>10.757.450.966</b>	<b>6.035.574.591</b>	<b>22.549.756.803</b>	<b>5.422.596.673</b>	<b>(19.112.111.162)</b>	<b>71.765.399.118</b>
Chi phí thuế TNDN							15.237.178.669
Chi phí thuế hoãn lại							(506.945.400)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>57.035.165.849</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Thị công công trình Tại ngày 31/12/2017 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Tại ngày 31/12/2017 VND	Góm sừ chịu lừa Tại ngày 31/12/2017 VND	Gạch Tại ngày 31/12/2017 VND	Cao lanh Tại ngày 31/12/2017 VND	Loại trừ Tại ngày 31/12/2017 VND	Tổng cộng Tại ngày 31/12/2017 VND
Tài sản của bộ phận	549.785.617.017	126.350.955.777	16.810.760.719	48.931.831.840	21.384.347.030	(225.350.975.128)	537.912.537.255
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.065.128.029
<b>Tổng tài sản</b>	<b>550.850.745.046</b>	<b>126.350.955.777</b>	<b>16.810.760.719</b>	<b>48.931.831.840</b>	<b>21.384.347.030</b>	<b>(225.350.975.128)</b>	<b>538.977.665.284</b>
Nợ phải trả của bộ phận	238.623.114.731	45.361.536.948	6.025.054.300	17.537.394.574	7.664.248.761	(98.566.172.013)	216.645.177.301
	Thị công công trình Năm 2017 VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ Năm 2017 VND	Góm sừ chịu lừa Năm 2017 VND	Gạch Năm 2017 VND	Cao lanh Năm 2017 VND	Loại trừ Năm 2017 VND	Tổng cộng Năm 2017 VND
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	98.879.864.926	1.595.454.545	-	9.080.280.232	931.818.182	(3.031.818.182)	107.455.599.703
Chi phí khấu hao trong năm	33.121.160.075	1.511.988.287	1.158.761.529	1.074.343.814	3.575.286.039	(667.809.247)	39.773.730.497

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư vay với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải trả tiền vay – Xem thêm mục 4.18:		
Ông Lê Đình Hiến – Tổng Giám đốc	(641.572.500)	(4.343.000.972)

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Vay:		
Ông Lê Đình Hiến – Tổng Giám đốc	8.246.432.528	39.012.700.561
Ông Hầu Văn Tuấn - Thành viên HĐQT	-	200.000.000
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.18</b>	<b>8.246.432.528</b>	<b>39.212.700.561</b>

Tập đoàn nhận tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan không chịu lãi suất. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Thù lao và thu nhập	6.830.179.794	6.481.956.986
Cổ tức đã chia cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	4.753.950.000	3.666.229.750

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	438.000.000	373.504.500

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	584.355.130.913	573.505.166.179
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.328.990.935	140.178.955.669
Chi phí bán hàng	4.188.869.875	15.038.834.609

Việc phân loại lại các thông tin so sánh nêu trên là do thay đổi phương thức phân loại để phân loại chi phí nhân viên, chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí khác bằng tiền vào giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng. Việc phân loại lại này không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của năm trước đã được báo cáo trước đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc phân loại lại số liệu so sánh trên sẽ phù hợp hơn về bản chất và sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc báo cáo.

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lê Đình Hiến**  
Tổng giám đốc  
Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Hầu Văn Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Ngọc Dũng**  
Người lập





# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 04 năm 2019

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

  
*TỔNG GIÁM ĐỐC*  
*Lê Đình Hiến*